TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 19 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Bản án số: 46/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 12-6-2026
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 19 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ánh Tuyết.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Tâm;

Ông Phạm Tấn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai G – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 154/2026/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2026 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2026/QĐST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Hồng H, sinh năm 1983; nơi cư trú: số nhà H, đường A, Tổ B, ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Ông Phạm Thành V, sinh năm 1981; nơi cư trú: số nhà H, đường A, Tổ B, ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 3 năm 2026 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Hồng H trình bày:

Về hôn nhân: Bà Nguyễn Hồng H và ông Phạm Thành V, chung sống năm 2006, có tổ chức lễ cưới, đến năm 2007 mới đăng kí kết hôn tại Ủy ban xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương nay là Ủy ban nhân dân xã P, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 158, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/11/2007.

Quá trình chung sống có 02 con chung là Phạm Thành D, sinh năm 2007 và Phạm Thành K, sinh năm 2008. Cháu Phạm Thành K hiện đang sống chung với bà H, riêng cháu Phạm Thành D đã trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2024 cho đến nay.

Nay, bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông V;

Về con chung: Bà H yêu cầu nuôi cháu Phạm Thành K, sinh năm 2008, không yêu cầu ông V cấp dưỡng cho con. Cháu Phạm Thành D đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà H hiện làm công nhân tại Đ, thành phố Đ, thu nhập trung bình mỗi tháng khoảng 13.000.000 đồng. Đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Phạm Thành V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tuy nhiên, bị đơn không gửi văn bản trình bày ý kiến về việc yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Hồng H vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn ông Phạm Thành V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các Điều từ 26 đến Điều 40 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều từ 93 đến 97 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Thời hạn chuẩn

bị xét xử đảm bảo quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của Thẩm phán được quy định tại Điều 48 và khoản 2 Điều 203 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 63, 239, 243, 249, 258, 260 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Thư ký tuân theo Điều 51 và Điều 237 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn được triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt theo khoản 1 Điều 228, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Bà H và ông V là vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện P, tỉnh Bình Dương ngày 01/11/2007. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau. Vợ chồng đã không còn sống chung từ năm 2024 cho đến nay. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn ông V là có căn cứ để chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về con chung: Quá trình chung sống có 02 con chung là Phạm Thành D, sinh năm 2007 và Phạm Thành K, sinh năm 2008. Cháu Phạm Thành K hiện đang sống chung với bà H, riêng cháu Phạm Thành D đã trưởng thành. Xét thấy, con chung đang sống ổn định với bà H, con chung có nguyện vọng muốn ở với mẹ. Do đó, tiếp tục giao con chung cho bà H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi thành niên, bà H không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng là phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình.

+ Về nợ chung và tài sản chung: không tranh chấp nên, yêu cầu giải quyết.

Từ những đánh giá phân tích nêu trên căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Phạm Thành V có nơi cư trú tại số nhà H, đường A, Tổ B, ấp B, xã P, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[1.2] Quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Nguyễn Hồng H khởi kiện ông Phạm Thành V, yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con chung do đó quan hệ pháp luật tranh chấp là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.3] Sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông Phạm Thành V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, Tòa án căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Hồng H và ông Phạm Thành V là hôn nhân hợp pháp. Bà H yêu cầu ly hôn ông V do vợ chồng mâu thuẫn kéo dài không thể hàn gắn, vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau, hiện không còn sống chung với nhau. Có cơ sở xác định hôn nhân của bà H, ông Vũ lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà H yêu cầu ly hôn với ông V là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Hồng H và ông Phạm Thành V có 02 con chung là cháu Phạm Thành D, sinh năm 2007 và Phạm Thành K, sinh năm 2008. Cháu Phạm Thành K hiện đang sống chung với bà H, riêng cháu Phạm Thành D đã trưởng thành. Bà H yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, không yêu cầu ông V cấp dưỡng cho con. Xét, bà H có nơi ở, việc làm, thu nhập ổn định đủ điều kiện chăm sóc, giáo dục con. Hội đồng xét xử xét, giao con chung cho bà H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Hồng H và ông Phạm Thành V không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và về nội dung vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Hồng H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, các Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân;

Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Hồng H đối với bị đơn ông Phạm Thành V về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Nguyễn Hồng H và ông Phạm Thành V.

- Về nuôi con chung: giao cháu Phạm Thành K, sinh ngày 21/8/2008 cho bà Nguyễn Ngọc H1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Bà Nguyễn Hồng H không yêu ông Phạm Thành V cấp dưỡng cho con nên Tòa án không giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Hồng H và ông Phạm Thành V không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Hồng H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016663 ngày 18 tháng 3 năm 2026 tại Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Khu vực 19 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Ủy ban nhân dân xã Phú Giáo, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy chứng nhận kết hôn số 158, quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Phú Giáo, tỉnh Bình Dương cấp ngày 02/11/2007);
- Cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ánh Tuyết